

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN
TOÀN CẦU**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3
năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-36

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015.

1. Công ty

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (tên giao dịch đối ngoại của Công ty viết tắt là GLT) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 045928 ngày 4 tháng 11 năm 1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005 và thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phần của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 69/GCN-SGDHN ngày 18 tháng 11 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp cho Công ty với mã chứng khoán: GLT.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 26 tháng 11 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một chi nhánh được đặt tại nhà số 3, Thông tấn xã Việt Nam, tổ 48, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị điện, điện tử, thiết bị chống sét. Mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị chống trộm, kiểm tra, bảo vệ, an ninh, an toàn, camera quan sát, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng;
- Mua bán thiết bị điện, máy phát điện, máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ, biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh, pin, accu điện, bộ chỉnh lưu, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS, thiết bị điện để đóng ngắt mạch-bảo vệ mạch điện, thiết bị giảm điện trở đất, thiết bị hàn hóa nhiệt, khuôn, các loại máy đo-kiểm tra, dụng cụ hàn hóa chất các loại, thiết bị y tế-phòng thí nghiệm-phòng nghiên cứu, máy móc-thiết bị kỹ thuật công nghệ ngành dầu khí, trang thiết bị dạy học, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường;
- Đại lý ký gởi hàng hóa;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các sản phẩm do doanh nghiệp bán ra;
- Xây dựng dân dụng;
- Xây dựng công nghiệp, xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống, xây dựng giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng. Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo hành nồi hơi, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; Sản xuất thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường, sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Mua bán hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Mua bán thiết bị tin học, phần mềm, máy in, máy tính;
- Mua bán các sản phẩm cơ khí, các sản phẩm bằng đồng, sắt, thép, cáp điện các loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn nồi hơi, thiết bị hàn, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Mua bán đồng, sắt, thép;
- Tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin; Tư vấn giải pháp về tiết kiệm năng lượng;

- Dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Môi giới bất động sản;
- Sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống, nghiên cứu chế tạo, sản xuất accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS;
- Sản xuất hóa chất;
- Sửa chữa accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS;
- Cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, nhà, cột ăng ten, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống tiếp đất, hệ thống cảnh báo ngoài trời, điều hòa không khí, ổn áp, máy phát điện dự phòng, máy hạ áp, cho thuê nồi hơi;
- Sản xuất thiết bị viễn thông;
- Sản xuất phần mềm tin học;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Đại lý cung cấp dịch vụ Internet;
- Bán buôn xăng, dầu, than đá, củi trấu và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Tuấn Tú	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014)
Ông Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014 từ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2014)
Ông Lâm Thiếu Quân	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên
Bà Nguyễn Hương Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Khiết	Thành viên
Ông Thomas Hermansen	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2014)

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên (từ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2014)
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2014)
Ông Hồ Bá Phúc	Thành viên (từ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Huy Phong	Giám đốc điều hành
Ông Trương Thái Quảng	Phó Giám đốc
Ông Lê Công Việt	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh của Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



LÂM THIỆU QUÂN
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2015

Số : 122/2015/BCKT-HCM.00581

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("Công ty"), được lập ngày 27 tháng 5 năm 2015, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.24.1 của Báo cáo tài chính, trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty đã chia cổ tức của năm tài chính 2013 từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 là 4.073.480.925 VND. Điều này dẫn đến lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 bị giảm một khoản tương ứng là 4.073.480.925 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 02 tháng 6 năm 2014.



A blue ink signature of Diệp Quốc Bình, written in a cursive style.

TRANG ĐẮC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

DIỆP QUỐC BÌNH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2200-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135.257.351.457	126.107.529.235
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	32.694.616.719	23.340.324.366
Tiền	111		22.194.616.719	9.840.324.366
Các khoản tương đương tiền	112		10.500.000.000	13.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	55.608.353.257	49.465.080.599
Đầu tư ngắn hạn	121		55.608.353.257	49.465.080.599
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		34.646.031.748	42.002.695.653
Phải thu khách hàng	131	4.3	30.912.592.670	34.822.703.191
Trả trước cho người bán	132	4.4	601.520.015	921.432.527
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	4.957.234.155	8.949.911.258
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.6	(1.825.315.092)	(2.691.351.323)
Hàng tồn kho	140	4.7	7.535.410.993	7.358.917.651
Hàng tồn kho	141		9.339.808.844	9.456.987.963
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.804.397.851)	(2.098.070.312)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.772.938.740	3.940.510.966
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	1.776.586.295	1.885.023.467
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.19	160.007.508	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.9	2.836.344.937	2.055.487.499

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.358.865.575	24.759.765.765
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		983.849.110	1.223.461.173
Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	983.849.110	1.223.461.173
Nguyên giá	222		2.176.578.995	2.144.978.995
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.192.729.885)	(921.517.822)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.11	-	-
Nguyên giá	228		109.688.000	109.688.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(109.688.000)	(109.688.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240	4.12	1.475.863.078	3.385.063.089
Nguyên giá	241		40.069.123.405	40.035.407.440
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(38.593.260.327)	(36.650.344.351)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.13	21.789.914.608	16.910.075.621
Đầu tư vào công ty con	251		16.729.330.000	16.629.330.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		9.347.944.517	4.178.160.308
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(4.287.359.909)	(3.897.414.687)
Tài sản dài hạn khác	260		3.109.238.779	3.241.165.882
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.14	154.325.235	389.162.314
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.15	310.112.963	176.210.880
Tài sản dài hạn khác	268	4.16	2.644.800.581	2.675.792.688
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		162.616.217.032	150.867.295.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		59.762.122.877	46.411.390.076
Nợ ngắn hạn	310		51.755.684.696	33.122.038.401
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.17	32.902.189.891	21.389.962.893
Người mua trả tiền trước	313	4.18	1.916.039.853	1.987.790.703
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.19	1.575.244.284	3.836.832.782
Phải trả công nhân viên	315		852.156.775	-
Chi phí phải trả	316	4.20	537.253.816	410.329.264
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.21	11.038.440.273	2.954.676.331
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.22	1.115.764.917	824.010.936
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.818.594.887	1.718.435.492
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		8.006.438.181	13.289.351.675
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.203.794.375	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	564.365.000
Doanh thu chưa thực hiện	338	4.23	6.802.643.806	12.724.986.675
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.854.094.155	104.455.904.924
Vốn chủ sở hữu	410	4.24	102.854.094.155	104.455.904.924
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.083.358.132	6.083.358.132
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(3.190.365.357)	(1.007.355.357)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.596.160.699	1.911.127.074
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.000.480.681	5.104.315.075
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		162.616.217.032	150.867.295.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/03/2015	01/04/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
USD	4.1	701,61	781,33
EUR	4.1	1.281,38	192,30
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

PHAN THỊ KIM ANH
Người lập

PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2015


CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU


Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		118.826.939.328	135.423.263.767
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		175.834.000	18.054.000
Doanh thu thuần	10	5.1	118.651.105.328	135.405.209.767
Giá vốn hàng bán	11	5.2	84.728.885.441	100.602.167.488
Lợi nhuận gộp	20		33.922.219.887	34.803.042.279
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	10.779.922.611	8.410.602.669
Chi phí tài chính	22	5.4	495.200.197	4.241.311.935
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	49.945.114
Chi phí bán hàng	24		12.926.172.530	9.037.303.243
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.800.855.913	10.098.019.671
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		24.479.913.858	19.837.010.099
Thu nhập khác	31	5.5	21.115.353	566.116.452
Chi phí khác	32	5.6	241.442.608	137.571.107
Lợi nhuận khác	40		(220.327.255)	428.545.345
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.259.586.603	20.265.555.444
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	4.260.681.080	4.117.554.388
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.8	(133.902.083)	(139.322.182)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.132.807.606	16.287.323.238


PHAN THỊ KIM ANH
Người lập


PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng




NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Mã số	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	24.259.586.603	20.265.555.444
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.262.002.981	6.543.039.295
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(769.763.470)	5.575.693.576
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	17.158.851	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.771.280.931)	(8.708.888.832)
Chi phí lãi vay	06	-	49.945.114
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	14.997.704.034	23.725.344.597
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	810.390.867	3.052.755.338
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	117.179.119	9.666.011.613
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	5.468.158.762	(5.360.260.151)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	343.274.251	719.387.144
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(49.945.114)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.742.533.293)	(15.866.574.256)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	859.386.944	169.718.240
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.342.961.090)	(2.228.377.228)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.510.599.594	13.828.060.183
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(113.190.907)	(1.461.064.656)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	410.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(61.592.412.532)	(59.465.080.599)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	60.643.353.323	22.932.468.300
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	31.061.186.970
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.434.834.786	11.204.005.723
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.272.584.670	4.681.515.738
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(2.183.010.000)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	17.400.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(19.718.930.188)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.240.902.930)	(55.236.368.340)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.423.912.930)	(57.555.298.528)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	9.359.271.334	(39.045.722.607)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	23.340.324.366	62.386.046.973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.978.981)	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	32.694.616.719	23.340.324.366

PHAN THỊ KIM ANH
Người lập

PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (tên giao dịch đối ngoại của Công ty viết tắt là GLT) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 045928 ngày 4 tháng 11 năm 1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005 và thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 69/GCN-SGDHN ngày 18 tháng 11 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp cho Công ty với mã chứng khoán: GLT.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 26 tháng 11 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một chi nhánh được đặt tại nhà số 3, Thông tấn xã Việt Nam, tổ 48, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị điện, điện tử, thiết bị chống sét. Mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị chống trộm, kiểm tra, bảo vệ, an ninh, an toàn, camera quan sát, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng;
- Mua bán thiết bị điện, máy phát điện, máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ, biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh, pin, accu điện, bộ chỉnh lưu, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS, thiết bị điện để đóng ngắt mạch-bảo vệ mạch điện, thiết bị giảm điện trở đất, thiết bị hàn hóa nhiệt, khuôn, các loại máy đo-kiểm tra, dụng cụ hàn hóa chất các loại, thiết bị y tế-phòng thí nghiệm-phòng nghiên cứu, máy móc-thiết bị kỹ thuật công nghệ ngành dầu khí, trang thiết bị dạy học, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường;
- Đại lý kỹ gởi hàng hóa;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các sản phẩm do doanh nghiệp bán ra;
- Xây dựng dân dụng;
- Xây dựng công nghiệp, xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống, xây dựng giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng. Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo hành nồi hơi, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; Sản xuất thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường, sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Mua bán hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Mua bán thiết bị tin học, phần mềm, máy in, máy tính;
- Mua bán các sản phẩm cơ khí, các sản phẩm bằng đồng, sắt, thép, cáp điện các loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn nồi hơi, thiết bị hàn, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Mua bán đồng, sắt, thép;
- Tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin; Tư vấn giải pháp về tiết kiệm năng lượng;

- Dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Môi giới bất động sản;
- Sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống, nghiên cứu chế tạo, sản xuất accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS;
- Sản xuất hóa chất;
- Sửa chữa accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS;
- Cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, nhà, cột ăng ten, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống tiếp đất, hệ thống cảnh báo ngoài trời, điều hòa không khí, ổn áp, máy phát điện dự phòng, máy hạ áp, cho thuê nồi hơi;
- Sản xuất thiết bị viễn thông;
- Sản xuất phần mềm tin học;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Đại lý cung cấp dịch vụ Internet;
- Bán buôn xăng, dầu, than đá, củi trấu và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 59 người (ngày 31 tháng 3 năm 2014 là 66 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn, được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, theo thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	6 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Dụng cụ quản lý	5 - 6 năm

3.7 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm các nhà trạm thu phát sóng được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư là các trạm thu phát sóng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 5 - 6 năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm thiết bị, công cụ dụng cụ, khoản trả trước tiền thuê đất trạm BTS, tiền thuế của trạm và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản trả trước tiền bảo trì bảo dưỡng trạm BTS và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh từ trên 1 năm đến 3 năm.

3.10 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.11 Dự phòng phải trả ngắn hạn

Một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

Dự phòng phải trả ngắn hạn bao gồm các khoản dự phòng bảo hành mà Công ty có nghĩa vụ phải thực hiện theo các hợp đồng bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, và khoản dự phòng phải trả khác.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 0,35% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

3.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

3.13 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

3.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.15 Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng nửa tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

3.16 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.17 Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

3.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế trước ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của Báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

3.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản kỳ quỹ.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.20 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động.

Trong kỳ tài chính này, các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Quan hệ
Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ
Công ty TNHH liên doanh Global-Sitem	Công ty con
Công ty cổ phần IN NO	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu	Công ty con
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty cùng tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ	131.786.392	289.169.264
- VND	131.399.212	289.169.264
- USD (1)	387.180	-
Tiền gửi ngân hàng	19.010.750.327	9.551.155.102
- VND	18.966.712.525	9.529.167.672
- USD (2)	14.704.451	16.436.000
- EUR (2)	29.333.351	5.551.430
Tiền đang chuyển (3)	3.052.080.000	-
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn đến 3 tháng	10.500.000.000	13.500.000.000
	32.694.616.719	23.340.324.366

(1) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, số dư tiền mặt tại quỹ có gốc ngoại tệ là 18,00 USD tương đương 387.180 VND.

(2) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, chi tiết số dư các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ:

	Nguyên tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng – USD	683,61	14.704.451
Tiền gửi ngân hàng – EUR	1.281,38	29.333.351
		44.037.802

(3) Đây là khoản tiền Công ty đã chuyển cho Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á để mua 156.600 cổ phiếu quỹ.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	48.712.353.257	49.145.080.599
Các khoản cho vay (*)	6.896.000.000	320.000.000
	<u>55.608.353.257</u>	<u>49.465.080.599</u>

(*) Các khoản cho vay vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 bao gồm:

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Khoản cho Công ty cổ phần Công nghệ Tiên Phong vay, lãi suất 10,56%/năm - 12%/năm, không có đảm bảo bằng tài sản.	-	320.000.000
Khoản cho Công ty TNHH Liên doanh Global Sitem vay, lãi suất từ 7%/năm - 8%/năm, không có đảm bảo bằng tài sản.	6.896.000.000	-
	<u>6.896.000.000</u>	<u>320.000.000</u>

4.3 Phải thu khách hàng

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Phải thu thương mại – bên liên quan	645.127.034	435.696.526
Phải thu thương mại – bên thứ ba	30.267.465.636	34.387.006.665
	<u>30.912.592.670</u>	<u>34.822.703.191</u>

4.4 Trả trước cho người bán

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Trả trước cho người bán – bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán – bên thứ ba	601.520.015	921.432.527
	<u>601.520.015</u>	<u>921.432.527</u>

4.5 Phải thu khác

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi tiết kiệm	3.520.446.145	4.428.848.904
Phải thu cổ tức	816.000.000	4.080.000.000
Phải thu phí tiện ích	73.179.985	98.915.401
Phải thu khác	547.608.025	342.146.953
	<u>4.957.234.155</u>	<u>8.949.911.258</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

4.6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Số dư đầu năm	2.691.351.323	1.024.879.870
Dự phòng tăng trong năm	432.842.661	1.861.504.258
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.298.878.892)	(195.032.805)
Số dư cuối năm	1.825.315.092	2.691.351.323

4.7 Hàng tồn kho

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Hàng mua đang đi đường	377.684.665	-
Nguyên vật liệu	2.083.707.114	2.167.120.706
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	786.936.529	2.049.594.221
Thành phẩm	140.604.779	400.920.066
Hàng hóa	5.950.875.757	4.839.352.970
Cộng giá gốc hàng tồn kho	9.339.808.844	9.456.987.963
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(1.804.397.851)	(2.098.070.312)
Giá trị thuần	7.535.410.993	7.358.917.651

(*) Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Số dư đầu năm	2.098.070.312	2.086.262.876
Dự phòng tăng trong năm	-	11.807.436
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(293.672.461)	-
Số dư cuối năm	1.804.397.851	2.098.070.312

4.8 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Công cụ dụng cụ	92.695.646	182.190.036
Thuê đất trạm thu phát sóng	1.683.890.649	1.702.833.431
	1.776.586.295	1.885.023.467

4.9 Tài sản ngắn hạn khác

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Tạm ứng	2.765.344.937	1.674.496.772
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	35.000.000	329.990.727
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn khác	36.000.000	51.000.000
	2.836.344.937	2.055.487.499

4.10 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/04/2014	233.238.338	76.065.586	1.692.338.154	143.336.917	2.144.978.995
Mua sắm trong năm	-	31.600.000	-	-	31.600.000
Vào ngày 31/03/2015	233.238.338	107.665.586	1.692.338.154	143.336.917	2.176.578.995
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/04/2014	66.317.647	56.402.037	674.348.507	124.449.631	921.517.822
Khấu hao trong năm	38.873.076	16.245.347	197.853.792	18.239.848	271.212.063
Vào ngày 31/03/2015	105.190.723	72.647.384	872.202.299	142.689.479	1.192.729.885
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/04/2014	166.920.691	19.663.549	1.017.989.647	18.887.286	1.223.461.173
Vào ngày 31/03/2015	128.047.615	35.018.202	820.135.855	647.438	983.849.110

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng:

Vào ngày 01/04/2014	505.215.427 VND
Vào ngày 31/03/2015	590.282.094 VND

4.11 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/04/2014	109.688.000
Vào ngày 31/03/2015	109.688.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/04/2014	109.688.000
Vào ngày 31/03/2015	109.688.000
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/04/2014	-
Vào ngày 31/03/2015	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng:

Vào ngày 01/04/2014	109.688.000 VND
Vào ngày 31/03/2015	109.688.000 VND

4.12 Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/04/2014	40.035.407.440
Mua sắm trong năm	81.590.907
Thanh lý trong năm	(47.874.942)
Vào ngày 31/03/2015	40.069.123.405
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/04/2014	36.650.344.351
Khấu hao trong năm	1.990.790.918
Thanh lý trong năm	(47.874.942)
Vào ngày 31/03/2015	38.593.260.327
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/04/2014	3.385.063.089
Vào ngày 31/03/2015	1.475.863.078
Nguyên giá của bất động sản đầu tư đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng:	
Vào ngày 01/04/2014	10.940.863.016 VND
Vào ngày 31/03/2015	36.580.617.219 VND

4.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Đầu tư vào công ty con	(1)	16.729.330.000	16.629.330.000
Đầu tư dài hạn khác	(2)	9.347.944.517	4.178.160.308
		26.077.274.517	20.807.490.308
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3)	(4.287.359.909)	(3.897.414.687)
Giá trị đầu tư dài hạn thuần		21.789.914.608	16.910.075.621

(1) Chi tiết số dư các khoản đầu tư vào công ty con vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 như sau:

	Tại ngày 31/03/2015		Tại ngày 01/04/2014	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND
Công ty cổ phần IN NO	99,96%	14.994.000.000	99,96%	14.994.000.000
Công ty TNHH liên doanh Global - Sitem	51,00%	1.635.330.000	51,00%	1.635.330.000
Công ty TNHH Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu	100,00%	100.000.000	-	-
		16.729.330.000		16.629.330.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

(2) Chi tiết số dư các khoản đầu tư dài hạn khác vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 như sau:

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 1 năm	729.892.517	1.247.608.308
Góp vốn vào Công ty TNHH Hanel - CSF (a)	1.831.595.000	1.831.595.000
Cho vay - Công ty TNHH Hanel – CSF (b)	1.098.957.000	1.098.957.000
Cho vay - Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong (c)	5.687.500.000	-
	9.347.944.517	4.178.160.308

(a) Khoản góp vốn đầu tư vào công ty TNHH Hanel – CSF là 100.000 USD tương đương 1.831.595.000 VND, chiếm tỷ lệ sở hữu là 10%.

(b) Khoản cho vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF với lãi suất 16,8%/năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011 nhưng đến nay công ty TNHH Hanel – CSF chưa hoàn trả được do hoạt động kinh doanh bị lỗ quá số vốn góp của chủ sở hữu.

(c) Khoản cho vay cung cấp cho Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong với lãi suất 10%/năm trong 2 năm kể từ ngày 9 tháng 12 năm 2014, khoản vay được đảm bảo bằng cầm cố cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghệ Tân Tiến (725.496 cổ phiếu) và của Công ty cổ phần tin học Siêu Tính (819.388 cổ phiếu).

(3) Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong năm tài chính như sau:

	Số dư đầu năm VND	Dự phòng tăng trong năm VND	(Hoàn nhập) dự phòng trong kỳ VND	Số dư cuối năm VND
Góp vốn vào công ty cổ phần IN NO	966.862.687	389.945.222	-	1.356.807.909
Góp vốn vào Công ty TNHH Hanel - CSF	1.831.595.000	-	-	1.831.595.000
Cho vay - Công ty TNHH Hanel – CSF	1.098.957.000	-	-	1.098.957.000
	3.897.414.687	389.945.222	-	4.287.359.909

4.14 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	73.698.356
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng trạm thu phát sóng	154.325.235	315.463.958
	154.325.235	389.162.314

4.15 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	264.834.763	130.932.680
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	45.278.200	45.278.200
	310.112.963	176.210.880

4.16 Tài sản dài hạn khác

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Đặt cọc thuê đất trạm	2.062.650.000	2.066.850.000
Ký quỹ thuê văn phòng, thuê kho	307.210.460	319.315.000
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành	274.940.121	289.627.688
	<u>2.644.800.581</u>	<u>2.675.792.688</u>

4.17 Phải trả người bán

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Phải trả người bán – bên liên quan	29.662.360.560	12.272.951.412
Phải trả người bán – bên thứ ba	3.239.829.331	9.117.011.481
	<u>32.902.189.891</u>	<u>21.389.962.893</u>

4.18 Người mua trả tiền trước

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Người mua trả tiền trước – bên liên quan	179.850.000	-
Người mua trả tiền trước – bên thứ ba	1.736.189.853	1.987.790.703
	<u>1.916.039.853</u>	<u>1.987.790.703</u>

4.19 Thuế

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	160.007.508	-
	<u>160.007.508</u>	<u>-</u>

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Thuế GTGT đầu ra	-	665.216.996
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.518.292.080	3.000.144.293
Thuế thu nhập cá nhân	56.952.204	171.471.493
	<u>1.575.244.284</u>	<u>3.836.832.782</u>

4.20 Chi phí phải trả

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Chi phí thi công, lắp đặt trạm	537.253.816	410.329.264
	<u>537.253.816</u>	<u>410.329.264</u>

4.21 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	10.361.303.470	1.512.814.400
Quỹ phúc lợi phải trả Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong	176.430.000	283.987.600
Phi tiện ích	39.244.282	58.248.061
Bảo hiểm xã hội phải nộp	2.012.500	-
Phải trả khác	459.450.021	1.099.626.270
	11.038.440.273	2.954.676.331

4.22 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Phi bảo hành sản phẩm	487.174.030	824.010.936
Phải trả khác	628.590.887	-
	1.115.764.917	824.010.936

4.23 Doanh thu chưa thực hiện

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, số dư doanh thu chưa thực hiện là số tiền thu trước tiền cho thuê trạm BTS theo các hợp đồng tương ứng.

4.24 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

4.24.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 01/04/2013	92.364.460.000	6.083.358.132	(1.007.355.357)	2.206.932.831	46.770.944.406	146.418.340.012
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	16.287.323.238	16.287.323.238
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(1.051.617.369)	(1.051.617.369)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(56.902.335.200)	(56.902.335.200)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế các năm trước	-	-	-	(295.805.757)	-	(295.805.757)
Số dư tại ngày 31/03/2014	92.364.460.000	6.083.358.132	(1.007.355.357)	1.911.127.074	5.104.315.075	104.455.904.924
Số dư tại ngày 01/04/2014	92.364.460.000	6.083.358.132	(1.007.355.357)	1.911.127.074	5.104.315.075	104.455.904.924
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(2.183.010.000)	-	-	(2.183.010.000)
Lãi trong năm	-	-	-	-	20.132.807.606	20.132.807.606
Trích lập quỹ	-	-	-	962.628.000	(2.147.250.000)	(1.184.622.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(18.089.392.000)	(18.089.392.000)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế các năm trước	-	-	-	(277.594.375)	-	(277.594.375)
Số dư tại ngày 31/03/2015	92.364.460.000	6.083.358.132	(3.190.365.357)	2.596.160.699	5.000.480.681	102.854.094.155

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

(*) Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty chia cổ tức đợt cuối của năm tài chính 2013 là 10% vốn điều lệ, bao gồm 5.104.315.075 VND từ số dư lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 và 4.073.480.925 VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446863 thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 8 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 92.364.460.000. Chi tiết như sau:

	Ngày 31/03/2015		Ngày 31/03/2014	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong	43.588.490.000	47,19	44.057.490.000	47,70
Công ty cổ phần Đầu tư Tánh Linh	16.470.000.000	17,83	16.470.000.000	17,83
America LLC	5.591.800.000	6,05	-	-
Các cổ đông khác	25.031.670.000	27,10	31.250.470.000	33,84
Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	1.682.500.000	1,82	586.500.000	0,63
	92.364.460.000	100	92.364.460.000	100

4.24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	92.364.460.000	92.364.460.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp (giảm) trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	92.364.460.000	92.364.460.000
Trừ : Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	(1.682.500.000)	(586.500.000)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ phiếu đang lưu hành)	90.681.960.000	91.777.960.000
Cổ tức đã chia	18.089.392.000	56.902.335.200
Trong đó :		
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-
- Chia cổ tức bằng tiền	18.089.392.000	56.902.335.200

4.24.3 Cổ phiếu phổ thông

	31/03/2015	01/04/2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	9.236.446	9.236.446
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.236.446	9.236.446
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(168.250)	(58.650)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.068.196	9.177.796
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	88.077.390.506	105.563.768.608
Doanh thu cho thuê trạm thu phát sóng	30.749.548.822	29.859.495.159
	<u>118.826.939.328</u>	<u>135.423.263.767</u>
Trừ: Hàng bán bị trả lại	(175.834.000)	(18.054.000)
Doanh thu thuần	<u>118.651.105.328</u>	<u>135.405.209.767</u>

5.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	71.170.576.234	82.541.621.272
Giá vốn cho thuê trạm thu phát sóng	13.558.309.207	18.060.546.216
	<u>84.728.885.441</u>	<u>100.602.167.488</u>

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.506.428.324	5.371.031.820
Lãi cho vay	552.852.607	591.461.030
Cổ tức được chia	5.712.000.000	2.448.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.641.680	109.819
	<u>10.779.922.611</u>	<u>8.410.602.669</u>

5.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Lãi vay	-	49.945.114
Dự phòng giảm giá đầu tư	389.945.222	3.897.414.687
Lỗ từ thanh lý công ty con	-	8.437.783
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	88.096.124	147.116.371
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.158.851	138.397.980
	<u>495.200.197</u>	<u>4.241.311.935</u>

5.5 Thu nhập khác

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Thu phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	19.742.421	163.436.094
Thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ	-	300.000.000
Thu nhập khác	1.372.932	102.680.358
	21.115.353	566.116.452

5.6 Chi phí khác

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Phạt vi phạm hợp đồng và phạt khác	78.077.000	124.852.250
Chi phí thanh lý tài sản	-	1.604.018
Chi phí khác	163.365.608	11.114.839
	241.442.608	137.571.107

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	24.259.586.603	20.265.555.444
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(4.892.854.422)	(3.795.337.892)
Tổng thu nhập chịu thuế	19.366.732.181	16.470.217.552
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.260.681.080	4.117.554.388

Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trữ thuế (nếu có) theo cơ quan thuế sẽ được doanh nghiệp điều chỉnh ngay khi phát sinh.

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản:		
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	45.278.200
- Dự phòng bảo hành phải trả	-	(36.888.698)
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	133.902.083	130.932.680
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	133.902.083	139.322.182

5.9 Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Hàng hóa xuất bán	51.572.704.272	82.658.648.713
Chi phí nguyên vật liệu	8.566.841.012	1.069.529.155
Chi phí nhân công	13.606.679.964	13.622.190.727
Chi phí công cụ, dụng cụ	238.150.400	441.803.230
Chi phí khấu hao	2.262.002.981	6.543.039.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.116.247.593	3.684.925.639
Chi phí khác	5.000.324.352	2.533.095.224
	103.362.950.574	110.553.231.983

5.10 Lãi trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn, các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD) và EUR. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND và USD.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	701,61	1.281,38
Phải trả người bán	116.035,86	-
	116.737,47	1.281,38

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 4.6.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 3 năm 2015			
Phải trả người bán	32.902.189.891	-	32.902.189.891
Chi phí phải trả	537.253.816	-	537.253.816
Các khoản phải trả, phải nộp khác	498.694.303	-	498.694.303
Dự phòng phải trả ngắn hạn	487.174.030	-	487.174.030
	34.425.312.040	-	34.425.312.040
Ngày 31 tháng 3 năm 2014			
Phải trả người bán	21.389.962.893	-	21.389.962.893
Chi phí phải trả	410.329.264	-	410.329.264
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.954.676.331	-	2.954.676.331
Dự phòng phải trả ngắn hạn	824.010.936	-	824.010.936
	25.578.979.424	-	25.578.979.424

Công ty cho rằng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có các cam kết về việc thế chấp, cầm cố hay các hình thức đảm bảo khác bằng tài sản của Công ty để thực hiện các nghĩa vụ nợ tại ngày 31/03/2015 và ngày 31/03/2014.

Công ty có nắm giữ cổ phiếu cầm cố để cho Công ty cổ phần Tiên Phong vay như trình bày tại mục 2 của Thuyết minh 4.13.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/03/2015 VND	31/03/2014 VND	31/03/2015 VND	31/03/2014 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	29.714.647.483	32.758.721.773	29.714.647.483	32.758.721.773
Các khoản phải thu khác	3.719.674.250	8.528.351.353	3.719.674.250	8.528.351.353
Các khoản ký quỹ	2.509.990.581	2.850.973.415	2.509.990.581	2.850.973.415
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.694.616.719	23.340.324.366	32.694.616.719	23.340.324.366
Các khoản đầu tư	62.025.745.774	50.712.688.907	62.025.745.774	50.712.688.907
Tổng cộng	130.664.674.807	118.191.059.814	130.664.674.807	118.191.059.814
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	32.902.189.891	21.389.962.893	32.902.189.891	21.389.962.893
Chi phí phải trả	537.253.816	410.329.264	537.253.816	410.329.264
Phải trả khác	498.694.303	2.954.676.331	498.694.303	2.954.676.331
Dự phòng phải trả ngắn hạn	487.174.030	824.010.936	487.174.030	824.010.936
Tổng cộng	34.425.312.040	25.578.979.424	34.425.312.040	25.578.979.424

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 và ngày 31 tháng 3 năm 2014, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty có các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm : thuê đất và nhà làm trạm thu phát sóng, thuê văn phòng và thuê kho.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Số tiền thuê VND
Trong vòng 1 năm	3.565.751.708
Trên 1 năm đến 5 năm	5.034.415.361
Trên 5 năm	-
	8.600.167.069

7.2. Báo cáo bộ phận

Công ty chưa theo dõi kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và nợ phải trả theo bộ phận được phân loại theo lĩnh vực kinh doanh hay theo khu vực địa lý.

7.3. Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty có các giao dịch chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Hội đồng quản trị	Tạm ứng	80.502.500	76.834.132
	Mượn tạm	-	(1.397.000.000)
	Mua tài sản thanh lý	-	(200.000.000)
Ban Giám đốc	Tạm ứng	398.805.000	31.500.000
	Mua tài sản thanh lý	-	(110.000.000)

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, số dư các khoản phải thu/(phải trả) của các giao dịch chủ yếu với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Hội đồng quản trị	Phải thu phi thương mại	157.000.000	123.633.039
Ban Giám đốc	Phải thu phi thương mại	11.279.825	9.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau :

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Lương, thưởng và thu nhập khác	2.618.181.700	2.819.868.777

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ		
	Bán hàng hóa và dịch vụ	620.914.480	210.605.300
	Thuê kho, thuê văn phòng và chi phí quản trị mạng	(1.915.393.868)	(2.263.450.498)
	Phải trả phí nhượng quyền và chi phí tiện ích khác	(1.407.955.000)	(1.292.055.000)
	Phải trả chi phí tiện ích	(175.800.724)	(267.191.962)
	Cho vay	8.050.000.000	3.320.000.000
	Cho mượn/(Mượn tiền)	(30.000.000)	350.000.000
	Phải thu chi phí tiện ích	19.875.500	17.779.107
	Lãi cho vay	134.668.141	471.104.667
	Phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	(537.500.000)	(463.670.000)
	Chia cổ tức	(4.268.549.000)	(25.933.143.802)
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con		
	Bán hàng hóa và dịch vụ	40.500.000	1.055.762.445
	Mua hàng hóa và dịch vụ	(41.885.814.622)	(30.406.279.487)
	Chi hệ phí bảo lãnh	162.036.295	74.499.404
	Phải thu chi phí tiện ích và chi phí khác	41.059.597	50.195.612
	Cho vay	9.744.000.000	7.800.000.000
	Cho mượn	-	596.575.000
	Lãi cho vay	116.143.555	51.485.167
	Thu hộ tiền vi phạm hợp đồng	-	124.852.250
	Cổ tức được chia	5.712.000.000	2.448.000.000
Chuyển tiền ký quỹ	47.961.540	-	
Công ty cổ phần IN NO	Công ty con		
	Chi hệ chi phí khác	14.100.000	11.444.000
Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu	Công ty con		
	Góp vốn	100.000.000	-
	Cho mượn tiền	10.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Công ty liên quan	Mối quan hệ Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng tập đoàn		
	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.320.753.947	102.445.611
	Mua hàng hóa và dịch vụ	(38.315.186)	(1.413.114.081)
	Phải thu phí tiện ích	14.527.631	43.867.010
	Phải trả phí tiện ích	(16.630.693)	(16.340.000)
	Cho vay	-	600.000.000
Lãi cho vay	-	22.715.000	
Công ty TNHH MTV kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty cùng tập đoàn		
	Bán hàng hóa và dịch vụ	538.194.000	713.313.800
	Phải thu phí tiện ích	12.736.469	28.313.140
	Cho vay	8.000.000.000	-
Lãi cho vay	247.320.000	-	
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Công ty cùng tập đoàn		
	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.000.000	230.087.760
	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(330.200.000)
	Phải thu phí tiện ích	7.945.652	25.634.427
Phải trả phí tiện ích	(3.000.000)	(18.587.500)	
Công ty cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty cùng tập đoàn		
	Phải thu phí tiện ích	8.651.975	24.749.113
	Phải trả phí tiện ích	-	(10.288.000)
	Cho vay	900.000.000	-
Lãi cho vay	2.311.467	-	
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty cùng tập đoàn		
	Bán hàng hóa và dịch vụ	148.500.000	502.294.000
	Phải thu phí tiện ích	13.295.252	43.724.127
	Phải trả phí tiện ích	(330.000)	(5.702.000)
	Cho vay	1.000.000.000	-
Lãi cho vay	52.409.444	-	

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, số dư các khoản phải thu/(phải trả) của Công ty với các bên có liên quan như sau:


Công ty liên quan	Mối quan hệ Nội dung nghiệp vụ	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Phải thu các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ		
	Phải thu thương mại	32.079.300	-
	Phải thu phi thương mại	5.742.439.994	402.805.292
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con		
	Phải thu thương mại	-	-
	Phải thu phi thương mại	7.879.713.157	4.125.682.370
Công ty cổ phần IN NO	Công ty con		
	Phải thu phi thương mại	51.841.510	37.741.510


CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
 Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Công ty liên quan	Mối quan hệ Nội dung nghiệp vụ	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu	Công ty con Phải thu phi thương mại	10.000.000	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng tập đoàn Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	613.047.734 -	- 11.766.799
Công ty TNHH MTV kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty cùng tập đoàn Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	- -	431.760.780 18.120.576
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Công ty cùng tập đoàn Phải thu phi thương mại	-	6.563.039
Công ty cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty cùng tập đoàn Phải thu phi thương mại	-	6.628.908
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty cùng tập đoàn Phải thu phi thương mại	52.409.444	155.011.199
Phải trả các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ Phải trả thương mại Phải trả phi thương mại	(54.953.433) (5.063.052.082)	(64.040.965) (729.375.061)
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con Phải trả thương mại Phải trả phi thương mại	(29.028.578.327) (77.957.464)	(13.054.181.916) (70.537.464)
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng tập đoàn Phải trả thương mại	-	(49.038.963)
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Công ty cùng tập đoàn Phải trả phi thương mại	-	(165.000)
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty cùng tập đoàn Phải trả thương mại Phải trả phi thương mại	(152.430.000) -	- (1.767.700)

Các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan là không được đảm bảo và không chịu lãi.


PHAN THỊ KIM ANH
 Người lập


PHAN THỊ KIM ANH
 Kế toán trưởng


NGUYỄN HỮU DŨNG
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2015